

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 14/11/2018
V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu.

2. Bà Lương Thị Thêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện VKSND huyện TH, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST- HNGĐ ngày 28/8/2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXX- ST ngày 17/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST- HNGĐ ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thôn QĐ, xã ĐX, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn QĐ, xã ĐX, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Đình H2, sinh năm 1957 (Bố đẻ anh Phan Văn H).

Nơi ĐKKHKT: Thôn QĐ, xã ĐX, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

(Chị Q có mặt; Anh H, ông H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 13/8/2018 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 28/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Phan Văn H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện ML, tỉnh SL ngày 15/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2011 thì anh H bị bệnh tâm thần, gia đình đã đưa anh H đi điều trị ở

bệnh viện tâm thần nhưng bệnh tình của anh H không khỏi, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, từ đầu năm 2016 cho đến nay chị và anh H sống ly thân. Nay xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện TH giải Quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Phan Thị Kim H, sinh ngày 10/02/2011, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh H không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ. Chị Q không đề nghị Tòa án giải Quyết về tài sản chung và công nợ

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2018 của bị đơn là anh Phan Văn H và biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2018 của ông Phan Đình H2 là bố đẻ anh H có xác nhận của Ủy ban nhân xã ĐX, anh H và ông H2 khai: Anh H và chị Q kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện ML, tỉnh SL năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến năm 2016 do ở nhà không có việc làm nên chị Q đã tự ý bế con bỏ đi. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, anh H và ông H2 không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh H và chị Q có một con chung là Phan Thị Kim H, sinh ngày 10/02/2011, anh H có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Anh H và chị Q không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2018, Ủy ban nhân dân xã ĐX cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phan Văn H kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại tỉnh SL sau đó hai vợ chồng chuyển về xã ĐX sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Phan Văn H. Anh H bị mắc bệnh tâm thần, có sổ điều trị ngoại trú tâm thần.

Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2018, Trạm y tế xã ĐX cung cấp như sau: Anh Phan Văn H được chuẩn đoán Quyết định tâm thần phân liệt, hiện đang được điều trị ngoại trú tại trạm y tế xã ĐX theo y lệnh của Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình, số sổ bệnh án 1487, ngày 13/6/2014. Hàng tháng mẹ đẻ anh H vẫn lên trạm y tế lấy thuốc cho anh H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải Quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải Quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các Quyết định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải Quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phan Văn H; về con chung: Giao con chung Phan Thị Kim H cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung

không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Không đặt ra giải Quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Phan Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã DX, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Theo Q định tại điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phan Văn H thuộc thẩm Qền giải Quyết của Tòa án nhân dân huyện TH. Anh H bị bệnh tâm thần phân liệt, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đưa ông Phan Đình H2 là bố đẻ anh H là người đại diện hợp pháp cho anh H. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phan Văn H kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện ML, tỉnh SL. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H bị bệnh tâm thần phân liệt, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2016 chị Q đã bế con về quê ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống và cũng từ thời gian đó cho đến nay chị Q và anh H không chung sống cùng nhau. Tại phiên tòa chị Q vẫn đề nghị Tòa án giải Quyết cho chị được ly hôn với anh H. Bị đơn là anh H và người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình làm việc đã thể hiện quan điểm không có ý kiến gì về việc chị Q xin ly hôn.

Xét thấy, từ đầu năm 2016 quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh H không còn tồn tại trên thực tế, vợ chồng không còn tình yêu thương đối với nhau. Như vậy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phan Văn H có một con chung là Phan Thị Kim H, sinh ngày 10/02/2011. Từ đầu năm 2016 cho đến nay con chung do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Q và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy con chung của chị Q và anh H hiện đang sống cùng chị Q và học tại trường Tiểu học xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hơn nữa cháu H có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để tạo điều kiện cho việc học tập ổn định của cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung Phan Thị Kim H cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với Q định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Q không yêu cầu anh H phải cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải Quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, công nợ*: Không có, các đương sự không đề nghị Tòa án giải Quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo Quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về Quyền kháng cáo*: Chị Q, anh H và người đại diện hợp pháp của anh H được Quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Phan Văn H.

2/ Về con chung: Giao con chung Phan Thị Kim H, sinh ngày 10/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải Quyết.

Anh Phan Văn H có Qền thăm nom con chung.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không phải giải Quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH theo biên lai thu số 0008803 ngày 28/8/2018.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có Qền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/11/2018).

Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn có Qền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện TH;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐX;
- UBND Thị trấn I;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Chu Thị Linh